

# BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ

*(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102109239 do Phòng ĐKKD, Sở KH & ĐT  
Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 01/12/2006 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày  
13/02/2015)*

**Địa chỉ:** Số 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

**Điện thoại:** (84-4) 3864 2579      **Fax:** (84-4) 3665 8549

**Website:** [www.huunghi.com.vn](http://www.huunghi.com.vn)

### Phụ trách công bố thông tin

**Ông: Trịnh Trung Hiếu**      Chức vụ: **Tổng giám đốc**

**Số điện thoại:** (84-4) 3864 2579      **Số fax:** (84-4) 3665 8549

## MỤC LỤC

<b>I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....</b>	<b>3</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	3
2. Cơ cấu tổ chức của công ty. ....	8
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	10
4. Cơ cấu cổ đông.....	24
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Đăng ký giao dịch.....	25
6. Hoạt động kinh doanh. ....	26
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất. ....	28
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	29
9. Chính sách đối với người lao động.....	30
10. Chính sách cổ tức .....	32
11. Tình hình tài chính.....	32
12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty). ....	41
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo. ....	42
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đăng ký giao dịch ( <i>thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...</i> ): .....	45
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh. ....	45
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty: Không có .....	46
<b>II. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>46</b>
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị. ....	46
2. Ban kiểm soát. ....	52
3. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý. ....	56
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	58
<b>III. PHỤ LỤC KÈM THEO .....</b>	<b>59</b>

**I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1 Giới thiệu chung về công ty đăng ký giao dịch**

Tên doanh nghiệp bằng tiếng Việt:	Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh:	HuuNghi Food Joint Stock Company
Tên viết tắt:	HUUNGHIFOOD., JSC
Trụ sở chính:	Số 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại:	(84-4) 3864 2579 Fax: (84-4) 3665 8549
Website:	www.huunghi.com.vn

Biểu tượng (Logo):



Vốn điều lệ đăng ký:	200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng).
Vốn điều lệ thực góp:	200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng).
Thời điểm trở thành công ty đại chúng:	Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tiến hành đăng ký công ty đại chúng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng vào năm 2007.
Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:	Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102109239 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/2006, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 13/02/2015.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Tổng Giám đốc – Trịnh Trung Hiếu

**Ngành nghề kinh doanh chính:**

Hiện nay, Công ty đang đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh, nhưng hoạt động của Công ty tập trung vào một số ngành nghề kinh doanh chính cụ thể như:

- + Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn – Mã ngành 1075
- + Sản xuất các loại bánh từ bột – Mã ngành 1071
- + Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo – Mã ngành 1073

**1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch**

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;

- Mã chứng khoán: HNF;
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 20.000.000 cổ phiếu;
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 963.490 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 4,82% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Trong đó bao gồm:
  - + 421.245 cổ phiếu phát hành cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo Nghị quyết số 221/2014/NQ-TPHN ngày 07/5/2014 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, số cổ phiếu này chịu hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành – ngày 04/12/2014.
  - + 542.245 cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược là Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam theo Nghị quyết số 221/2014/NQ-TPHN ngày 07/5/2014 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, số cổ phiếu này chịu hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành – ngày 04/12/2014.
- **Giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài:**

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư hướng dẫn số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015.

Tại thời điểm ngày 15/09/2015, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị là 0 cổ phần – tương ứng 0%.

### **1.3 Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị có tiền thân là Nhà máy Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị được thành lập vào năm 1997. Sau gần 10 năm hoạt động, Nhà máy Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị đã hoàn tất quá trình cổ phần hoá và chính thức được cấp đăng ký kinh doanh công ty cổ phần với tên doanh nghiệp là Công ty cổ phần bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/2006, với số vốn điều lệ ban đầu 22.500.000.000 đồng .

Đề phù hợp đề phù hợp với vị thế trong ngành và định hướng phát triển trong tương lai, ngày 18/6/2009, Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị. Từ tháng 3/2011, Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị trở thành thành viên chính thức của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.

Trải qua gần 20 năm hình thành và phát triển, với đội ngũ nhân sự quản lý được đào tạo bài bản, giàu nhiệt huyết, cùng đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề và chiến lược kinh doanh tốt, Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị đã không ngừng lớn mạnh, thương hiệu Hữu Nghị ngày càng trở nên thân thuộc với nhiều gia đình Việt Nam. Nhiều nhãn sản phẩm của Hữu Nghị như bánh mì STAFF, bánh trứng nướng TIPO, bánh Layer Cake Salsa, bánh trung thu và Mứt Tết đã trở thành một phần trong cuộc sống hàng ngày của người dân Việt Nam. Hiện nay, Công ty có 3 nhà máy sản xuất với hàng chục dây chuyền sản xuất hiện đại, đạt tiêu chuẩn châu Âu. Mạng lưới phân phối nội địa vững mạnh với hàng trăm nhà phân phối và gần 200.000 đại lý bán lẻ.

Đón trước xu thế hội nhập và quốc tế hóa, ngay từ năm 2009, Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị đã quan tâm triển khai những hoạt động quảng bá quốc tế, tham gia các hội chợ quốc tế để mang những sản phẩm của Hữu Nghị đến gần hơn với các gia đình trên thế giới. Đến nay, Hữu Nghị đã xuất khẩu sản phẩm đến hơn 10 nước trên thế giới, trong đó có các thị trường khó tính như: Hàn Quốc, Nhật Bản...

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và người nước ngoài về khẩu vị, thị hiếu, Công ty đặc biệt quan tâm đến việc cải tiến, nâng cao chất lượng và đổi mới mẫu mã sản phẩm. Các sản phẩm bánh kẹo Hữu Nghị đều được sản xuất trên dây chuyền hiện đại, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và các tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng ISO: 22000:2005, HACCP, chứng nhận Halal, FDA v.v...

Với những thành tích đạt được, Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị đã được khen thưởng và trao tặng nhiều danh hiệu khác nhau như:

- Huân chương Lao động hạng hai do Chủ tịch nước trao tặng năm 2004;
- Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước tặng năm 2001, 2003;
- Cờ Thi đua xuất sắc do Bộ Thương Mại và Công đoàn Thương Mại và Du lịch Việt Nam trao tặng từ năm 1999-2007;
- Cờ Thi đua xuất sắc do Thủ tướng Chính phủ tặng từ năm 2001-2008;
- Danh hiệu hàng Việt Nam Chất Lượng Cao trong các năm 2000-2005;
- Thương hiệu vàng 2008-2009 của Hiệp hội chống hàng giả và thương hiệu VN;
- Danh hiệu Thương hiệu mạnh năm 2009 của Hiệp hội chống hàng giả và thương hiệu Việt Nam trao tặng.
- Giải thưởng “ Doanh nghiệp hội nhập và phát triển”
- Danh hiệu Sao Vàng Đất Việt;
- Huy chương vàng hội chợ EXPO;
- Hàng Việt Nam chất lượng cao 2010;

- Cúp vàng giải thưởng 1000 năm Thăng Long;
- Huân chương lao động Hạng nhì do Chủ tịch nước trao tặng năm 2013;
- Cờ thi đua Chính phủ do Thủ tướng trao tặng năm 2014.

**1.4 Quá trình tăng vốn của Công ty.**

Từ thời điểm chuyển đổi thành Công ty cổ phần đến nay, Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị đã trải qua các lần tăng vốn như sau:

**Bảng biểu 1: Các lần tăng vốn của CTCP Thực phẩm Hữu Nghị**

<b>Lần tăng vốn</b>	<b>Thời gian hoàn thành đợt phát hành</b>	<b>Vốn điều lệ tăng thêm (VND)</b>	<b>Vốn điều lệ sau phát hành (VND)</b>	<b>Hình thức phát hành</b>	<b>Cơ sở pháp lý</b>
Vốn điều lệ ban đầu	2006	-	22.500.000.000	Cổ phần hoá	Theo quy định về pháp luật khi cổ phần hoá
<b>Lần 1</b>	Tháng 4/2009	30.000.000.000	52.500.000.000	Phát hành ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 ngày 14/4/2008.</li> <li>- Quyết định của HĐQT số 331/QĐ-HĐQT ngày 15/5/2008.</li> <li>- Giấy phép chào bán số 362/UBCK-GCN do UBCK cấp ngày 19/12/2008.</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành;</li> <li>- GCN ĐKKD thay đổi vốn điều lệ cấp ngày 10/04/2009.</li> </ul>
<b>Lần 2</b>	Tháng 6/2010	14.250.000.000	66.750.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 ngày 12/4/2010.</li> <li>- Thông báo của UBCK NN về việc nhận đủ Bộ hồ sơ trả cổ tức bằng cổ phiếu.</li> <li>- GCN ĐKKD thay đổi vốn điều lệ cấp ngày 01/06/2010</li> </ul>

Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (VND)	Vốn điều lệ sau phát hành (VND)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 3	Tháng 7/2011	6.675.000.000	73.425.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 ngày 14/5/2011.</li> <li>- Thông báo của UBCK NN về việc nhận đủ Bộ hồ sơ trả cổ tức bằng cổ phiếu.</li> <li>- GCN ĐKKD thay đổi vốn điều lệ cấp ngày 12/04/2012.</li> </ul>
Lần 4	Tháng 6/2012	26.575.000.000	100.000.000.000	Phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, phát hành cho CBCNV và Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 02/2012/NQ-ĐHĐCĐ/HUUNGHIF OOD ngày 07/3/2012 của ĐHĐCĐ bất thường năm 2012.</li> <li>- Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp ngày 06/06/2012.</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành ngày 28/08/2012.</li> <li>- GCN ĐKKD thay đổi vốn điều lệ cấp ngày 17/01/2013.</li> </ul>
Lần 5	Tháng 6/2013	8.499.070.000	108.449.070.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 ngày 20/4/2013.</li> <li>- Thông báo của UBCKNN về việc nhận đầy đủ tài liệu phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2012 của Công ty ngày 19/06/2013.</li> <li>- GCN ĐKKD thay đổi vốn điều lệ cấp</li> </ul>

Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (VND)	Vốn điều lệ sau phát hành (VND)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					ngày 25/07/2013.
Lần 6	Tháng 12/2014	91.550.930.000	200.000.000.000	Phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, phát hành cho CBCNV và Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 221/2014/NQ-TPHN ngày 07/5/2014 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.</li> <li>- Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 70/GCN – UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/09/2014.</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành ngày 20/11/2014</li> <li>- GCN ĐKKD thay đổi vốn điều lệ cấp ngày 13/02/2015.</li> </ul>

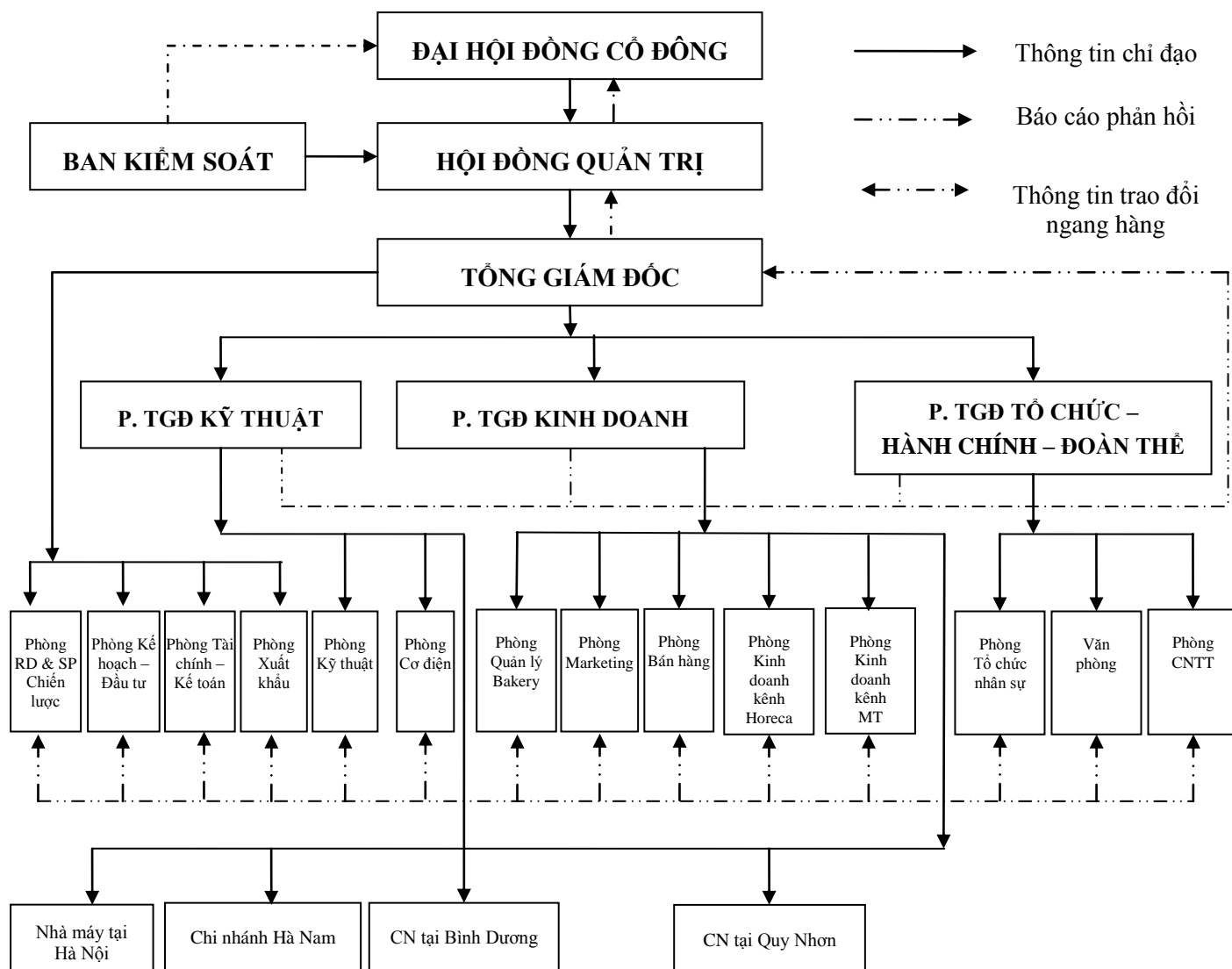
## 2. Cơ cấu tổ chức của công ty.

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty như sau:



**Sơ đồ tổ chức CTCP Thực phẩm Hữu Nghị**



Hiện nay, Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị có trụ sở chính và các Nhà máy và chi nhánh cụ thể như sau:

**Trụ sở chính:**

*Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội*

*Điện thoại: (84-4) 3864 362 – (84-4) 38642579*

*Fax: (84-4) 3665 8549*

➤ **Nhà máy tại Hà Nội**

*Địa chỉ: 122 Định Công - Hoàng Mai - Hà Nội*

*Điện thoại: (84-4) 38642579*

*Fax: (84-4) 38642579*

➤ **Chi nhánh Hà Nam**

*Địa chỉ: Phố Nguyễn Hữu Tiến - Thị Trấn Đồng Văn - Duy Tiên - Hà Nam*

*Điện thoại: (84-351) 3583022*

*Fax: (84-351) 3583103*

**➤ Chi nhánh Bình Dương**

*Địa chỉ: Phường Chánh Nghĩa - TX Thủ Dầu Một - Bình Dương*

*Điện thoại: (84-650) 3818103*

*Fax: (84-650) 3817255*

**➤ Chi nhánh Quy Nhơn**

*Địa chỉ: Cụm CN Quang Trung - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định*

*Điện thoại: (84-563) 946767*

*Fax: (84-563) 946767*

**3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.**

Cơ cấu bộ máy quản lý gồm các cơ quan chức năng như sau:

**3.1 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông được thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

**3.2 Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Thành viên HĐQT gồm 7 thành viên và mỗi nhiệm kỳ kéo dài 5 năm.

**3.3 Ban kiểm soát (BKS)**

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Thành viên Ban kiểm soát gồm 3 thành viên và mỗi nhiệm kỳ kéo dài 5 năm.

**3.4 Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT lựa chọn, bổ nhiệm trong số các thành viên HĐQT hoặc thuê tuyển trên cơ sở hợp đồng lao động với thời hạn 05 năm. Tổng giám đốc là Đại diện theo pháp luật của Công ty và có quyền, trách nhiệm điều hành hoạt động thường ngày của doanh nghiệp trên cơ sở các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Tổng giám đốc điều hành có 03 Phó Tổng giám đốc giúp việc: Phó Tổng giám đốc kỹ thuật, Phó Tổng giám đốc kinh doanh, Phó Tổng giám đốc tổ chức - hành chính – đoàn thể, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công

theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

### **3.5 Các phòng ban nghiệp vụ**

Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc. Công ty hiện có 14 phòng ban với các chức năng, nhiệm vụ cụ thể như sau:

#### **3.5.1 Phòng Kế hoạch – đầu tư**

##### **Chức năng:**

- Kế hoạch hóa; Thống kê, báo cáo tổng hợp;
- Cung ứng vật tư nguyên liệu; Đầu tư.

##### **Nhiệm vụ:**

*Đối với công tác Kế hoạch:*

- Đầu mối xây dựng chiến lược công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn, ngắn hạn phù hợp với chiến lược của Công ty;
- Xây dựng các kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, năm. Theo dõi, hướng dẫn, điều phối và kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch;
- Thể chế hóa kế hoạch SXKD của Công ty cho các bộ phận từng tháng, quý năm, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế ở mỗi thời điểm. Kiểm tra đôn đốc các bộ phận thực hiện kế hoạch được giao.
- Thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước, Tổng công ty và Công ty; Tổ chức hệ thống bộ máy thống kê xuyên suốt trong toàn Công ty.

*Đối với Công tác kinh doanh, cung ứng vật tư nguyên liệu:*

- Đầu mối xây dựng kế hoạch và thực hiện cung ứng vật tư phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện điều phối vật tư; Quản lý nhà cung ứng; Chủ trì giá mua bán vật tư nguyên phụ liệu; Thực hiện chức năng kinh doanh nguyên phụ liệu.

*Đối với Công tác Đầu tư*

- Căn cứ chiến lược phát triển của công ty, đầu mối xây dựng các dự án đầu tư;
- Triển khai việc thực hiện dự án; Giám sát việc thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật; Tham gia quyết toán; Thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai, hồ sơ giao đất của công ty.

##### **Trách nhiệm:**

- Tính chính xác và cập nhật của kế hoạch và báo cáo thống kê; Chất lượng vật tư và nguyên liệu, hiệu quả kinh doanh vật tư, nguyên phụ liệu;
- Hiệu quả đầu tư.

**3.5.2 Phòng Marketing****Chức năng:**

- Định hướng chiến lược sản phẩm công ty;
- Xây dựng, đánh giá hệ thống phân phối;
- Hoạt động marketing.

**Nhiệm vụ***Định hướng các sản phẩm chiến lược*

- Định vị sản phẩm; Nghiên cứu xu hướng thị trường;
- Đề xuất giải pháp về xu hướng phát triển sản phẩm;
- Chủ trì thiết kế bao bì mẫu mã sản phẩm.

*Xây dựng, đánh giá hệ thống phân phối*

- Chủ trì công tác phát triển nhà phân phối mới;
- Thường xuyên đánh giá năng lực kênh phân phối và khách hàng;
- Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hệ thống phân phối;
- Xây dựng cửa hàng mẫu và các kênh giới thiệu sản phẩm.

*Hoạt động marketing*

- Xây dựng và phát triển thương hiệu;
- Phát triển chính sách xúc tiến bán hàng và theo dõi thực hiện chính sách;
- Xây dựng giá và chính sách bán hàng; Tổ chức thực hiện các chương trình marketing, đánh giá hiệu quả chương trình;
- Tổ chức các sự kiện (họp báo, hội thảo, soạn thông cáo báo chí, cung cấp thông tin ra bên ngoài). Xây dựng, duy trì và phát triển các mối quan hệ với các cơ quan truyền thông.

**Trách nhiệm:**

- Đảm bảo cơ cấu sản phẩm hợp lý; Chất lượng kênh phân phối;
- Đảm bảo việc nhận diện thương hiệu trên thị trường; Hiệu quả hoạt động của các chương trình marketing; Đảm bảo thông tin truyền thông theo đúng định hướng của Công ty.

**3.5.3 Phòng Bán hàng****Chức năng:**

- Quản lý và khai thác kênh phân phối; Thực hiện bán hàng nội địa;
- Thực hiện chính sách bán hàng & chăm sóc khách hàng;
- Thu thập thông tin thống kê thị trường; Thực hiện vận chuyển nguyên liệu, vật tư hàng hóa.

**Nhiệm vụ***Quản lý và khai thác kênh phân phối*

- Đàm phán, ký kết hợp đồng với các kênh phân phối mới;
- Phối hợp đề xuất và thực hiện các chính sách hợp lý với các kênh phân phối nhằm thúc đẩy bán hàng;
- Tổ chức tiêu thụ sản phẩm của công ty sản xuất trên các kênh phân phối; Điều tiết, cung ứng hàng hóa đến các đại lý, người tiêu dùng trong vùng và thị trường.

*Thực hiện bán hàng nội địa*

- Xây dựng kế hoạch, phương án bán ra các mặt hàng theo định vị sản phẩm và chính sách của phòng marketing;
- Thực hiện nghiệp vụ công tác bán hàng; Phát triển đội ngũ bán hàng và quản lý giám sát bán hàng; Thực hiện triển khai chính sách bán hàng đã được phê duyệt;
- Kết hợp với phòng Marketing tuyên truyền, quảng cáo sản phẩm của Công ty thông qua hoạt động tiêu thụ sản phẩm;
- Phối hợp với phòng Marketing thực hiện các gian hàng, quầy hàng của Công ty tại các hội chợ kinh tế trong nước; Phối hợp với phòng Marketing thực hiện công tác thông tin về mẫu mã, bao bì và giá bán sản phẩm.

*Thực hiện chính sách bán hàng & chăm sóc khách hàng, thu thập thông tin, thống kê*

- Là đầu mối tiếp nhận các yêu cầu phản hồi của khách hàng về sản phẩm, phối hợp với các bộ phận Kỹ thuật, R&D, Marketing xử lý khiếu nại;
- Tổ chức thực hiện thu thập thông tin, thực hiện công tác thống kê theo yêu cầu của các bộ phận liên quan.

*Thực hiện vận chuyển nguyên liệu, vật tư hàng hóa.*

- Quản lý đội xe (tài sản, con người, định mức); Thực hiện vận chuyển vật tư hàng hóa, sản phẩm theo yêu cầu của Công ty;
- Thực hiện thuê vận chuyển theo yêu cầu.

**Trách nhiệm:**

- Đảm bảo kế hoạch kinh doanh của Công ty; Đảm bảo chất lượng dịch vụ bán hàng;
- Tính chính xác của thông tin thị trường; Đảm bảo vận chuyển an toàn, hiệu quả.

**3.5.4 Phòng Xuất khẩu****Chức năng:**

- Thực hiện chức năng marketing tại thị trường quốc tế;
- Xây dựng, quản lý, đánh giá thị trường và kênh phân phối tại thị trường quốc tế;
- Thực hiện nghiệp vụ xuất khẩu sản phẩm của Công ty.

**Nhiệm vụ***Thực hiện chức năng marketing tại thị trường quốc tế*

- Tổ chức tìm hiểu, nghiên cứu thông tin thị trường quốc tế về ngành hàng kinh doanh của công ty, trên cơ sở đó xây dựng chiến lược phát triển thị trường tiêu thụ;
- Xây dựng chiến lược sản phẩm cho thị trường quốc tế;
- Thực hiện thiết kế mẫu mã bao bì và xây dựng giá bán cho sản phẩm tại thị trường quốc tế; Đề xuất các chính sách xâm nhập thị trường và bán hàng xuất khẩu;
- Thực hiện đăng ký thương hiệu tại thị trường quốc tế.

*Xây dựng, quản lý, đánh giá kênh phân phối tại thị trường quốc tế*

- Tìm kiếm và thiết lập quan hệ với các khách hàng quốc tế;
- Quản lý đánh giá kênh phân phối tại thị trường quốc tế;
- Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hệ thống phân phối.

*Thực hiện nghiệp vụ xuất khẩu sản phẩm của Công ty*

- Đàm phán, giao kết và thực hiện các hợp đồng xuất khẩu;
- Tổ chức theo dõi giao hàng, thanh toán;
- Quản lý các hợp đồng xuất khẩu; Là đầu mối xử lý khiếu nại khách hàng quốc tế. Tiếp nhận khiếu nại, phối hợp với các phòng chuyên môn xử lý khiếu nại và trả lời khách hàng quốc tế.

**Trách nhiệm:**

- Nhận diện thương hiệu trên thị trường quốc tế; Đảm bảo chất lượng kênh phân phối;
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ khách hàng; Đảm bảo kế hoạch xuất khẩu Công ty giao.

**3.5.5 Phòng R&D và sản phẩm chiến lược****Chức năng:**

- Nghiên cứu xây dựng sản phẩm chiến lược cho công ty; Cải tiến sản phẩm;
- Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất cho sản phẩm mới. Xây dựng các công thức mới;
- Thực hiện đăng kí và quản lý theo pháp luật các thủ tục liên quan đến VSATTP và môi trường, sở hữu trí tuệ.

**Nhiệm vụ***Nghiên cứu, xây dựng sản phẩm chiến lược cho Công ty*

- Tham gia thực hiện các nghiên cứu nhu cầu và xu hướng thị trường, xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm mới theo định vị thương hiệu đã được xác định. Nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm mới, sản phẩm chiến lược của Công ty;
- Phát triển sản phẩm mới, hoàn tất các mẫu mã bao bì; Xây dựng quản lý ngân hàng sáng kiến mẫu mã, sản phẩm mới.

***Cải tiến sản phẩm***

- Phối hợp phòng Kỹ thuật và Quản lý chất lượng theo dõi chất lượng các loại sản phẩm cho phù hợp với thị trường. Nghiên cứu xử lý các vấn đề liên quan đến sản phẩm khi có sự phản hồi của thị trường về chất lượng sản phẩm;
- Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng nguyên phụ liệu bao bì; Phối hợp phòng Kế hoạch – Đầu tư đánh giá chất lượng nguyên phụ liệu theo tiêu chuẩn đề ra.

***Xây dựng quy trình công nghệ***

- Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất cho sản phẩm mới;
- Chủ trì hướng dẫn các bộ phận liên quan trong triển khai sản xuất sản phẩm mới và hỗ trợ xâm nhập thị trường cho sản phẩm mới.

***Thực hiện đăng kí và quản lý theo pháp luật các thủ tục liên quan đến VSATTP và môi trường, sở hữu trí tuệ***

- Làm thủ tục xét nghiệm định kì: cho các nhà máy tại Hà Nội và Đồng Văn;
- Công bố chất lượng cho các sản phẩm sản xuất chung cho cả các chi nhánh;
- Hoàn thiện các thủ tục khác liên quan đến VSATTP theo qui định của nhà nước cho Hà Nội và Đồng Văn;
- Quản lý về mặt hồ sơ và đôn đốc các chi nhánh thực hiện đăng kí các thủ tục về môi trường theo qui định của Nhà nước;
- Thực hiện đăng ký bảo hộ nhãn hiệu và kiểu dáng sản phẩm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam;
- Quản lý hồ sơ liên quan vệ sinh an toàn thực phẩm và sở hữu trí tuệ.

***Nhiệm vụ khác***

- Quản lý nhóm cân mã hóa phụ gia;
- Hỗ trợ các chi nhánh kiểm tra nguyên liệu phụ liệu đầu vào của Công ty;
- Hỗ trợ xử lý sản phẩm không phù hợp và xử lý khiếu nại khách hàng liên quan tới chất lượng và công nghệ; Thực hiện đăng ký sở hữu trí tuệ và bảo hộ kiểu dáng công nghiệp.

**Trách nhiệm:**

- Đảm bảo duy trì cơ cấu sản phẩm hợp lý cho Công ty; Đảm bảo khả năng thương mại hóa của sản phẩm;
- Tính phù hợp và hiệu quả của quy trình công nghệ và công thức;
- Chịu trách nhiệm về tính hợp luật của các nhãn hàng; Đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

**3.5.6 Phòng Kỹ thuật và Quản lý chất lượng****Chức năng:**

- Đảm bảo công nghệ sản xuất theo đúng quy trình;
- Đầu mối quản lý định mức kinh tế kỹ thuật; Quản lý đề tài, sáng kiến kỹ thuật, theo dõi việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất;
- Quản lý công tác đánh giá nội bộ theo hệ thống ISO.

**Nhiệm vụ***Đảm bảo công nghệ sản xuất theo đúng quy trình*

- Chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra, giám sát về mặt kỹ thuật đối với bộ phận KCS tại các đơn vị sản xuất trong Công ty, đảm bảo sản phẩm các khâu sản xuất và sản phẩm cuối cùng giao cho khách hàng đạt tiêu chuẩn quy định;
- Hướng dẫn và giám sát thực hiện quy trình công nghệ sản xuất; Phối hợp với các phòng chức năng, xưởng sản xuất để xử lý sản phẩm không phù hợp và thực hiện các hành động khắc phục, phòng ngừa;
- Theo dõi, cập nhật sự tiến bộ của công nghệ, kỹ thuật và áp dụng vào sản xuất.

*Đầu mối quản lý định mức kinh tế kỹ thuật*

- Xác định các định mức kinh tế kỹ thuật về việc tiêu hao vật tư trên cơ sở công thức của phòng R&D và sản phẩm chiến lược, bàn giao các định mức cho bộ phận sản xuất;
- Quản lý chung hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật của công ty;
- Xây dựng hệ thống thưởng phạt định mức kinh tế kỹ thuật tiêu hao nguyên liệu.

*Quản lý đề tài, sáng kiến kỹ thuật, theo dõi việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất*

- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ các đề tài sáng kiến kỹ thuật;
- Thực hiện việc đánh giá tính ứng dụng, hiệu quả của các đề tài.

*Quản lý công tác đánh giá nội bộ theo hệ thống ISO.*

- Tổ chức quản lý, hướng dẫn việc thực hiện Hệ thống đảm bảo quy trình quản lý chất lượng; Kiểm tra việc thực hiện quy trình;
- Tham gia đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật công nghệ.

**Trách nhiệm:**

- Tính phù hợp của quy trình và định mức kỹ thuật;
- Tính đồng nhất và phù hợp của sản phẩm;
- Đảm bảo chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong công ty cũng như chất lượng sáng kiến tiến bộ khoa học kỹ thuật.



### 3.5.7 Phòng Cơ điện

**Chức năng:**

- Đảm bảo vận hành máy móc thiết bị an toàn; Quản lý hồ sơ máy móc thiết bị, tổ chức thực hiện bảo trì & bảo dưỡng thiết bị;
- Chủ trì công tác an toàn phòng chống cháy nổ.

**Nhiệm vụ:**

*Đảm bảo vận hành máy móc thiết bị an toàn.*

- Xây dựng quy trình vận hành máy móc thiết bị;
- Xây dựng và đào tạo đội ngũ nhân sự đảm bảo thực hiện đúng quy trình.

*Quản lý hồ sơ máy móc thiết bị, tổ chức thực hiện bảo trì & bảo dưỡng thiết bị*

- Lập kế hoạch bảo dưỡng các thiết bị và giám sát việc thực hiện kế hoạch. Hỗ trợ việc thực hiện sửa chữa thiết bị;
- Lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị, dụng cụ đo theo quy định Nhà nước và lưu hồ sơ theo đúng luật định;
- Kết hợp cùng các bộ phận vận hành tốt các thiết bị phụ trợ đảm bảo sản xuất; đảm bảo vận hành hệ thống phụ trợ an toàn, tiết kiệm và đáp ứng đủ các yêu cầu của sản xuất;
- Lập kế hoạch mua sắm phụ tùng thay thế phục vụ cho công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị. Thiết kế, gia công, sửa chữa thiết bị theo yêu cầu công nghệ.

*Chủ trì công tác an toàn phòng chống cháy nổ*

- Xây dựng nội quy, quy trình hướng dẫn đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ;
- Quản lý hồ sơ công tác an toàn phòng chống cháy nổ;
- Xây dựng kế hoạch, thực hiện cung cấp trang thiết bị đảm bảo công tác an toàn phòng chống cháy nổ.

**Trách nhiệm:**

- Hiệu quả và tính liên tục, an toàn trong vận hành máy móc thiết bị;
- Đảm bảo hiệu quả và chất lượng của đội ngũ công nhân vận hành kỹ thuật;
- Đảm bảo các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

### 3.5.8 Phòng công nghệ thông tin

**Chức năng:**

- Duy trì hạ tầng CNTT;
- Đào tạo và hỗ trợ người dùng, quản lý và phát triển hệ thống phần mềm quản lý;
- Quản lý trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện chính sách bảo mật thông tin điện tử.

**Nhiệm vụ:***Duy trì hạ tầng CNTT*

- Quản lý các thiết bị của hệ thống thông tin (máy tính, máy in, mạng nội LAN, mạng WAN, tổng đài, máy chủ, v.v);
- Quản lý các nhà cung cấp dịch vụ phần cứng, phần mềm và mạng (nội bộ, viễn thông);
- Quản lý các dự án đầu tư, nâng cấp hoặc điều chỉnh hệ thống thông tin quản lý của công ty.

*Đào tạo và hỗ trợ người dùng, quản lý và phát triển hệ thống phần mềm quản lý*

- Đào tạo và hỗ trợ người sử dụng trong việc khai thác, sử dụng phần mềm phục vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Tư vấn cho Ban lãnh đạo, phòng chuyên môn sử dụng thiết bị và phần mềm quản lý phù hợp; Duy trì sự ổn định của các phần mềm quản lý sử dụng trong Công ty.

*Quản lý web site công ty và thực hiện chính sách bảo mật thông tin điện tử.*

- Chủ trì thiết kế, quản trị web site công ty;
- Phát triển web site, cung cấp thông tin phù hợp với định hướng chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty;
- Thiết lập kiến trúc hệ thống thông tin cho toàn Công ty và các chi nhánh, nhà máy;
- Thiết lập chính sách bảo mật thông tin quản trị và theo dõi thực hiện;
- Hỗ trợ cập nhật và sao lưu dữ liệu nhằm đảm bảo an toàn và tính toàn vẹn của thông tin quản lý.

**Trách nhiệm:**

- Hiệu quả quản lý từ đầu tư hạ tầng CNTT;
- Hỗ trợ kịp thời và hiệu quả trong sử dụng CNTT đối với cán bộ, nhân viên công ty;
- Tính ổn định và hữu ích của hệ thống mạng và web site; Tính bảo mật thông tin điện tử trong công tác quản trị.

**3.5.9 Phòng Quản lý Bakery****Chức năng:**

- Quản lý và khai thác kênh phân phối;
- Thực hiện chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng;
- Nghiên cứu, xây dựng phương án phát triển hệ thống;
- Thu thập thông tin thống kê thị trường.

**Nhiệm vụ:***Quản lý và khai thác kênh phân phối*

- Quản lý, phát triển hệ thống Bakery, bán hàng khởi trường học hiện thời;

- Đàm phán, ký kết hợp đồng với các đại lý nhượng quyền mới;
- Phối hợp đề xuất và thực hiện các chính sách hợp lý với các quầy hợp tác nhằm thúc đẩy bán hàng;
- Tổ chức tiêu thụ sản phẩm của công ty sản xuất trên toàn hệ thống Bakery; Điều tiết, cung ứng hàng hóa đến chuỗi Bakery, người tiêu dùng và thị trường.

*Thực hiện nghiệp vụ công tác bán hàng*

- Xây dựng kế hoạch, phương án bán ra các mặt hàng theo định vị sản phẩm và chính sách của phòng Marketing;
- Thực hiện nghiệp vụ công tác bán hàng; Phát triển đội ngũ bán hàng
- Kết hợp với phòng Marketing tuyên truyền, quảng cáo sản phẩm của Công ty thông qua hoạt động tiêu thụ sản phẩm.
- Phối hợp với phòng Marketing thực hiện công tác thông tin về mẫu mã và giá bán sản phẩm.

*Thực hiện chính sách bán hàng & chăm sóc khách hàng, thu nhập thông tin, thống kê*

- Xây dựng các chính sách thúc đẩy doanh số bán hàng, nâng cao hình ảnh thương hiệu tại chuỗi Bakery;
- Là đầu mối tiếp nhận các yêu cầu phản hồi của khách hàng về sản phẩm, phối hợp với các bộ phận Kỹ thuật, R&D, Marketing xử lý khiếu nại;
- Tổ chức thực hiện thu thập thông tin, thực hiện công tác thống kê yêu cầu của các bộ phận liên quan.

**Nhiệm vụ:**

- Đảm bảo việc nhận diện thương hiệu trên thị trường;
- Đảm bảo thông tin truyền thông theo đúng định hướng của Công ty;
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ bán hàng.

**3.5.10 Phòng Kế toán tài chính**

**Chức năng:**

- Xây dựng vận hành hệ thống kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực và quy định của nhà nước; Quản lý tài chính;
- Quản lý quan hệ cổ đông.

**Nhiệm vụ:**

*Xây dựng vận hành hệ thống kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực và quy định của nhà nước*

- Tổ chức công tác hạch toán, thống kê số liệu theo chuẩn mực và quy định của pháp luật;
- Tổ chức và thực hiện quản lý tài sản của công ty;

- Quản lý bảo quản an toàn hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán.

#### *Tài chính*

- Đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh:
  - + Lên kế hoạch, tính toán nhu cầu
  - + Thu xếp vốn và nguồn vốn
- Quản lý chi phí và giá thành;
- Kiểm soát giá thành nguyên liệu và vật tư đầu vào;
- Phân tích tài chính doanh nghiệp;
- Phân tích và quản lý rủi ro.

#### *Quản lý quan hệ cổ đông*

- Theo dõi tình hình góp vốn của cổ đông; Cập nhật các thông tin và số liệu về liên quan đến cổ phần, cổ tức; Quản lý danh sách và sổ cổ đông;
- Công bố các thông tin tài chính theo quy định cho cổ đông. Phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan tới quan hệ cổ đông.

#### **Trách nhiệm:**

- Tính chính xác và kịp thời, tính tuân thủ của số liệu và báo cáo kế toán;
- Đảm bảo đúng và kịp thời của các nghĩa vụ của công ty với nhà nước;
- Hiệu quả sử dụng vốn; Tính hợp luật trong quan hệ cổ đông.

### **3.5.11 Phòng Tổ chức nhân sự**

#### **Chức năng:**

- Nghiên cứu và hoạch định nguồn tài nguyên nhân sự;
- Quản trị tiền lương; Quan hệ lao động;
- Thực hiện chức năng pháp chế.

#### **Nhiệm vụ**

##### *Nghiên cứu và hoạch định tài nguyên nhân sự*

- Tham mưu cho lãnh đạo về tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ cho phù hợp với yêu cầu phát triển; Xây dựng quy hoạch cán bộ, chuẩn bị các thủ tục bổ nhiệm, bãi nhiệm, đề bạt cán bộ và nâng bậc, chuyển ngạch lương;
- Chủ trì công tác hoạch định nhân sự phục vụ sản xuất, xây dựng các chính sách sử dụng nhân lực thường xuyên và mùa vụ hợp lý, hiệu quả;
- Chủ trì xây dựng các chính sách nhân sự, hướng dẫn và giám sát các bộ phận thực hiện chính sách liên quan tới tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá hiệu quả công việc, đãi ngộ và phúc lợi.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ.

***Quản trị tiền lương***

- Thực hiện tính lương tháng cho cán bộ, công nhân viên khối văn phòng và bán hàng khu vực phía Bắc;
- Rà soát, kiểm tra lương tháng các nhà máy chi nhánh đơn vị;
- Hướng dẫn nghiệp vụ về tổ chức cán bộ, lao động tiền lương cho các đơn vị trực thuộc;
- Xây dựng đơn giá lao động & định mức tiền lương;
- Phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán xây dựng quỹ tiền lương của công ty, giám sát thực hiện quy chế tiền lương.

***Quan hệ lao động***

- Quản lý hồ sơ cán bộ, công nhân viên; Giải quyết thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, chuẩn bị các hợp đồng lao động;
- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến BHXH, BHYT; Thực hiện các chế độ khác liên quan đến người lao động;
- Tuyển dụng các cấp quản lý và nhân viên phía văn phòng, nhân viên bán hàng khu vực phía Bắc;
- Hỗ trợ tuyển dụng lao động phổ thông tại nhà máy Hà Nội. Nghiên cứu giải pháp, cung cấp thông tin, hỗ trợ tuyển dụng lao động phổ thông tại các nhà máy chi nhánh;
- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; Quản lý thực hiện công việc: tổng hợp kết quả đánh giá từ các bộ phận khác và thực hiện đánh giá cho chính bộ phận.

***Chức năng pháp chế***

- Rà soát tính phù hợp về pháp lý của văn bản, hợp đồng;
- Cập nhật thông tin pháp luật liên quan tới hoạt động của công ty và hướng dẫn thực hiện;
- Tổ chức đại diện pháp lý tham gia các sự vụ pháp luật.

***Nhiệm vụ khác***

- Xây dựng kế hoạch, nội dung công tác thi đua, đề nghị khen thưởng, kỷ luật; Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình phát triển văn hóa doanh nghiệp;
- Tổ chức các sự kiện chung của Công ty;
- Phối hợp với công đoàn, hành chính tổ chức các cuộc thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với CBCNV và gia đình.

**Trách nhiệm:**

- Đầy đủ các chính sách nhân sự đáp ứng nhu cầu quản lý;
- Hiệu quả tuyển dụng, đào tạo nhân sự;
- Tính chính xác và hợp lệ của thủ tục HCNS, chế độ chính sách người lao động.

**3.5.12 Phòng Kinh doanh kênh Horeca****Chức năng:**

- Quản lý và khai thác kênh Horeca;
- Thực hiện chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng;
- Nghiên cứu, xây dựng phương án phát triển hệ thống;
- Thu thập thông tin thống kê thị trường trong hệ thống.

**Nhiệm vụ***Quản lý và khai thác kênh phân phối*

- Tìm kiếm, thiết lập quan hệ với hệ thống bán hàng kênh Horeca;
- Quản lý, phát triển hệ thống bán hàng vào khối cơ quan, doanh nghiệp, trường học, khách sạn, ...;
- Đàm phán hợp đồng, cung cấp hàng hóa theo hợp đồng.

*Thực hiện chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng*

- Phối hợp đề xuất, xây dựng và thực hiện các chính sách bán hàng kênh Horeca, nâng cao hình ảnh thương hiệu Hữu Nghị trên thị trường;
- Là đầu mối tiếp nhận các yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ; phối hợp với các bộ phận chuyên môn xử lý khiếu nại.

*Nghiên cứu, xây dựng phương án phát triển hệ thống, thu thập thông tin thống kê thị trường*

- Xây dựng, đề xuất kế hoạch, phương án phát triển hệ thống theo định hướng sản phẩm của Công ty;
- Kết hợp phòng Marketing quảng bá sản phẩm, thông tin về mẫu mã, giá bán sản phẩm;
- Tổ chức thu thập thông tin, thực hiện công tác thống kê theo yêu cầu.

**Trách nhiệm:**

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ bán hàng;
- Đảm bảo duy trì và phát triển hệ thống theo định hướng của Công ty.

**3.5.13 Phòng kinh doanh kênh MT****Chức năng:**

- Quản lý và khai thác kênh siêu thị;
- Thực hiện chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng;
- Nghiên cứu, xây dựng phương án phát triển hệ thống.

**Nhiệm vụ***Quản lý và khai thác kênh siêu thị*

- Tìm kiếm, thiết lập quan hệ với hệ thống siêu thị toàn quốc;
- Quản lý, phát triển hệ thống bán hàng vào kênh siêu thị;

- Đàm phán hợp đồng, điều tiết, cung ứng hàng hóa đến hệ thống siêu thị;
- Phối hợp đề xuất và triển khai thực hiện các chính sách đối với hệ thống nhằm thúc đẩy doanh số bán hàng.

*Thực hiện chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng*

- Phối hợp đề xuất, xây dựng và thực hiện các chính sách thúc đẩy doanh số bán hàng kênh MT, nâng cao hình ảnh thương hiệu Hữu Nghị trong hệ thống siêu thị.
- Là đầu mối tiếp nhận các yêu cầu của siêu thị về chất lượng sản phẩm, dịch vụ; phối hợp với các bộ phận chuyên môn xử lý khiếu nại.

*Nghiên cứu, xây dựng phương án phát triển hệ thống.*

- Xây dựng, đề xuất kế hoạch, phương án phát triển hệ thống theo định hướng sản phẩm của Công ty;
- Kết hợp phòng Marketing xây dựng hình ảnh, thương hiệu, quảng bá sản phẩm, thông tin về mẫu mã, giá bán sản phẩm.

**Trách nhiệm:**

- Đảm bảo việc nhận diện thương hiệu trong hệ thống siêu thị.
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ bán hàng.
- Đảm bảo duy trì và phát triển hệ thống theo định hướng của Công ty.

### **3.5.14 Văn phòng**

**Chức năng:**

- Hành chính quản trị;
- Văn thư lưu trữ;
- Y tế và chăm sóc sức khỏe.

**Nhiệm vụ:**

*Công tác hành chính quản trị*

- Soạn thảo và trình duyệt Nội quy làm việc, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; Bố trí sắp xếp chỗ làm việc của toàn khối văn phòng một cách khoa học và hợp lý; Thực hiện việc quản lý các tài sản thuộc khối văn phòng, sửa chữa và thay thế kịp thời các thiết bị hỏng;
- Xây dựng kế hoạch và thực hiện việc mua sắm trang thiết bị làm việc cho công ty hàng tháng, hàng quý, năm; Xây dựng các quy định về sử dụng trang thiết bị văn phòng và theo dõi việc thực hiện quy định;
- Đề ra và theo dõi việc thực hiện các quy định về sử dụng điện thoại và các trang thiết bị văn phòng khác (máy fax, máy in, máy photocopy, máy chiếu...);
- Mua sắm và cấp phát văn phòng phẩm, báo chí, tài liệu, lịch các loại; Phối hợp bộ phận bảo vệ bảo đảm an ninh, trật tự cơ quan và công tác an ninh quốc phòng;

- Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho các phòng họp, hội nghị của Công ty, tham gia vào Ban tổ chức của các Hội nghị; Thông báo nội dung và thành phần các cuộc họp, hội nghị do lãnh đạo Công ty triệu tập;
- Phối hợp tổ chức các sự kiện chung của công ty, phối hợp với công đoàn tổ chức các cuộc thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với CBCNV và gia đình; Phụ trách việc chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, lưu trữ tài liệu của Ban lãnh đạo đi công tác;
- Thực hiện công tác quan hệ đối ngoại với các cơ quan hữu quan; Hướng dẫn khách đến làm việc với công ty thực hiện đúng nội quy, tổ chức tiếp khách trong nước và quốc tế lịch sự, chu đáo.

#### *Công tác Văn thư lưu trữ*

- Quản lý con dấu; Thực hiện công tác văn thư, đánh máy, in sao các văn bản, tài liệu;
- Phát hành công văn, giấy tờ; Lưu trữ hồ sơ, tài liệu, quản lý công văn giấy tờ, sổ sách hành chính và con dấu; Xác nhận sao chép các văn bản;
- Giải quyết các giấy tờ cho CBCNV đi công tác, viết giấy giới thiệu, xác nhận cho khách đến làm việc.

#### *Dịch vụ Y tế và chăm sóc sức khỏe cán bộ công nhân viên*

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ; Chăm sóc y tế ban đầu cho cán bộ công nhân viên; Làm các thủ tục giải quyết các chế độ liên quan tới y tế của người lao động trong toàn công ty;
- Quản lý, cấp phát trang thiết bị và vật tư Y tế; Hướng dẫn nghiệp vụ cấp cứu sơ cứu ban đầu cho công nhân.

#### **Quyền hạn và trách nhiệm**

- Bảo quản an toàn sử dụng con dấu;
- Tính kịp thời, chu đáo của dịch vụ.

### **4. Cơ cấu cổ đông**

#### **4.1 Cơ cấu cổ đông**

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/9/2015 để thực hiện lưu ký chứng khoán lần đầu, Công ty có cơ cấu cổ đông như sau:

**Bảng biểu 2. Cơ cấu cổ đông tại 15/9/2015**

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>215</b>	<b>20.000.000</b>	<b>100%</b>
	<i>Tổ chức</i>	<i>01</i>	<i>10.347.630</i>	<i>51,74%</i>



	<i>Cá nhân</i>	214	9.652.370	48,26%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	-
	<i>Tổ chức</i>	-	-	-
	<i>Cá nhân</i>	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-
	<b>Cộng</b>		<b>20.000.000</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Thực phẩm Hữu Nghị chốt tại ngày 15/9/2015)

#### 4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/9/2015 để thực hiện lưu ký chứng khoán lần đầu, Công ty có cổ đông lớn (nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty) như sau:

**Bảng biểu 3: Danh sách cổ đông lớn tại 15/9/2015**

TT	Họ và tên/ Doanh nghiệp	Số CMT/ Hộ chiếu/ GCNĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	0101216069	Tòa nhà Central Office Building, 83A Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP.HN	10.347.630	51,74%
2	Trịnh Trung Hiếu	012214652	Số 3 Ngõ 126, Hoàng Hoa Thám, Thụy Khuê, Hà Nội	2.755.525	13,78%
3	Lê Thị Lan Anh	162120733	Số 9 ngõ 27 Thổ Quan, Khâm Thiên, HN	1.240.561	6,20%

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Thực phẩm Hữu Nghị chốt tại ngày 15/9/2015)

#### 4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 “*Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.*”. Công ty cổ phần Bánh kẹo Hữu Nghị có đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 01/12/2006, như vậy sau ngày 01/12/2009 số cổ phần của các cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đăng ký giao dịch, những công ty mà công ty đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đăng ký giao dịch.**

**5.1 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đăng ký giao dịch:**

**Công ty mẹ của tổ chức đăng ký giao dịch**

Tên công ty: Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam

Địa chỉ: Tòa nhà Central Office Building, 83A Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84 - 4)3826 5778 Fax: (84-4)3826 5777

Giấy CNĐKKD: số 0101216069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp

Vốn điều lệ: 3.878.400.000.000 đồng

Tổng số cổ phần Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch:  
10.347.630 cổ phần

Tỷ lệ nắm giữ: 51,74% vốn điều lệ

Giá trị đầu tư: 103.476.300.000 đồng (*tính theo mệnh giá*).

Hoạt động kinh doanh chính: Trồng cây thuốc lá, thuốc lào; Sản xuất và buôn bán sản phẩm thuốc lá, thuốc lào và lương thực thực phẩm đồ uống.

**5.2 Danh sách những công ty mà công ty đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có

**5.3 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đăng ký giao dịch:** Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (*chi tiết nêu tại mục 5.1*).

**6. Hoạt động kinh doanh.**

**6.1 Các hoạt động kinh doanh chủ yếu**

Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bánh kẹo. Trải qua thời gian xây dựng và phát triển, đến nay thương hiệu Hữu Nghị ngày càng trở nên thân thuộc với nhiều gia đình Việt Nam và bạn bè quốc tế. Nhiều nhãn sản phẩm của Hữu Nghị như bánh mì Staff, bánh trứng nướng Tipó, bánh Layer cake Salsa, bánh trung thu và Mứt Tết đã trở thành một phần trong cuộc sống hàng ngày của người dân.

**Các sản phẩm chủ yếu Công ty hiện đang sản xuất như sau:**



Bánh Craker



Bánh trứng nướng



Kẹo Suri



Bánh kẹo hộp



Bánh kem xốp



Bánh quy



Bánh Gato



Bánh mì



Mứt tết



Giỏ quà tết



Bánh trung thu



Lương khô

**Các sản phẩm tiêu biểu của HuuNghỉFood**



**6.2 Tình hình doanh thu thuần, lợi nhuận gộp qua các năm**

Kết quả doanh thu và lợi nhuận gộp thời gian gần đây của Công ty như sau:

**Bảng biểu 4: Tình hình doanh thu thuần, lợi nhuận gộp qua các năm**

Đơn vị tính: đồng

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		6T/2015	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Doanh thu thuần	1.083.885.116.628		1.184.890.491.937		567.155.484.109	
2	Giá vốn hàng bán	859.519.427.568	79,30	928.350.950.163	78,35	444.641.499.594	78,40
3	Lợi nhuận gộp	224.365.689.060	20,70	256.539.541.774	21,65	122.513.984.515	21,60

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC Quý II của Công ty.

**7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.**

**Bảng biểu 5: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất**

Đơn vị tính: đồng

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm	6T/2015
----	--------------	----------	----------	-------------	---------

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm	6T/2015
1	Tổng giá trị tài sản	501.848.748.452	661.103.219.542	31,73%	551.014.259.998
2	Vốn Chủ sở hữu	164.123.675.433	262.990.003.649	60,24%	260.967.491.658
3	Lợi nhuận thuần từ SXKD	31.172.477.492	27.948.937.496	-10,34%	18.054.302.780
4	Lợi nhuận khác	511.940.966	4.757.553.123	829,32%	73.574.251
5	Lợi nhuận trước thuế	31.684.418.458	32.706.490.619	3,23%	18.127.877.031
6	Lợi nhuận sau thuế	23.617.427.104	25.245.121.499	6,89%	14.139.744.084
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (% trả cổ tức x vốn điều lệ thực góp/LNST)	68,88%	57,04%		-
8	Giá trị sổ sách	15.134	13.150	-13,11%	13.048

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC Quý II của Công ty.

(\*): Trong năm 2014, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng toàn bộ dự án nhà máy sản xuất chế biến thực phẩm tại Hưng Yên bao gồm quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất cho Công ty TNHH Toko Asia theo hợp đồng kinh tế số 1611/HĐKT ngày 16/11/2012 ký kết giữa CTCP Thực phẩm Hữu Nghị và Công ty TNHH Toko Asia với tổng giá trị Hợp đồng là 41.800.000.000 đồng (đã gồm VAT) do đó thu nhập khác và chi phí khác của Công ty tăng mạnh so với năm 2013.

## 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị là một trong những doanh nghiệp có bề dày lịch sử trong ngành sản xuất bánh kẹo. Với nhiều kinh nghiệm, đội ngũ lao động được đào tạo chính quy, tay nghề vững chắc, kết hợp với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 22000:2005, đây chuyên công nghệ tiên tiến liên tục đầu tư mới, cải tiến công nghệ nên sản phẩm của Công ty có chất lượng ổn định, đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, giá thành phù hợp, sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đại đa số đối tượng khách hàng. Nhiều sản phẩm của HUU NGHI FOOD được các khách hàng ưa chuộng như: bánh tươi, bánh Trung thu, Mứt Tết và bánh mì ruốc. Hiện nay, HUU NGHI FOOD là một trong những doanh nghiệp có số lượng các sản phẩm đa dạng bậc nhất trong ngành sản xuất bánh kẹo tại Việt Nam.

### 8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Theo Báo cáo của Công ty Khảo sát thị trường quốc tế Business Monitor International (BMI), năm 2014, doanh thu ngành bánh kẹo của Việt Nam sẽ đạt 27.270 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 7,9% so với năm trước. Trong ba năm qua, tốc độ tăng trưởng của ngành này có dấu hiệu chậm lại. Cụ thể, tăng trưởng doanh thu năm 2013 là 9,95%, trong khi năm 2012 là 11,44% và năm 2011 là 22,2%. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của ngành bánh kẹo

Việt Nam vẫn vượt khá xa mức trung bình 3% của khu vực Đông Nam Á và 1,5% của thế giới. Mặc dù dự kiến giá trị của ngành bánh kẹo Việt Nam vào năm 2018 sẽ đạt mức 40.000 tỷ đồng, nhưng phần lớn giá trị sản xuất này sẽ do các doanh nghiệp ngoại thực hiện, sau khi đã mua lại những thương hiệu lớn nhất của ngành bánh kẹo Việt Nam. Do đó, mặc dù là ngành có nhiều triển vọng, tuy nhiên các doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh rất lớn. Các doanh nghiệp đang nắm giữ thị phần trong nước sẽ phải đầu tư hoạt động Marketing, bán hàng và sau bán hàng để duy trì mức thị phần của mình, đồng thời tìm cách mở rộng thị phần vào các phân khúc khác của thị trường hoặc tìm kiếm thị trường mới để có mức tăng trưởng cao hơn.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1 Số lượng người lao động trong công ty

Số lượng người lao động trong Công ty đến 31/12/2014 là 2.741 người. Trong đó, cơ cấu trình độ lao động như sau:

**Bảng biểu 6: Cơ cấu trình độ lao động**

TT	Cơ cấu theo trình độ	Nam	Nữ	Cộng
1	Trên đại học	11	5	16
2	Đại học	146	150	296
3	Cao đẳng/Trung cấp	292	215	507
4	Sơ cấp, lao động phổ thông	674	1.248	1.922
	<b>Cộng</b>	<b>1.123</b>	<b>1.618</b>	<b>2.741</b>

*Nguồn: HuuNghiFood*

### 9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, ...

#### 9.2.1 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

– Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực và trình độ đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng hoạt động kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhất định, song tất cả chức danh đều phải đáp ứng được các yêu cầu cơ bản có trình độ chuyên môn phù hợp có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính thần tập thể cao. Các cán bộ quản lý phải có bằng cấp, có kiến thức chuyên ngành vững chắc, kinh nghiệm công tác phong phú, đặc biệt đề cao tính chủ động, sáng tạo trong công việc và năng lực tổ chức, quản lý, lãnh đạo nhóm.

– Công ty luôn chú ý đến công tác phát triển nguồn nhân lực:

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của HuuNghiFood nhằm hướng tới mục tiêu trang bị cho nhân viên những kiến thức, kỹ năng tiên tiến và thái độ phù hợp để phục vụ khách hàng có hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời phát triển tiềm năng

của mỗi nhân viên và mang lại hiệu quả tối đa cho HUU NGHI FOOD, hỗ trợ công tác đào tạo và phát triển ở tất cả vị trí và coi đây là sự đầu tư cần thiết bằng cách phân bổ ngân sách hợp lý.

Có thể tóm lược các biện pháp cơ bản để phát triển nguồn nhân lực của HUU NGHI FOOD như sau:

- + Tất cả nhân viên được tạo điều kiện nghiên cứu, học tập thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài phù hợp với yêu cầu vị trí công việc của mỗi người trong lĩnh vực chuyên môn và quản lý;
- + Công tác đào tạo và phát triển năng lực nhân viên được tổ chức và tiến hành một cách có hệ thống, liên tục ở tất cả các cấp, các bộ phận và nhóm sản xuất-kinh doanh;
- + Mỗi nhân viên được tạo điều kiện để phát triển năng lực bản thân dựa trên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân theo định hướng phát triển của HUU NGHI FOOD;
- + Nhân viên mới sẽ được huấn luyện một cách đầy đủ để hội nhập vào môi trường làm việc của HUU NGHI FOOD;
- + Tạo điều kiện cho nhân viên được thay đổi vị trí công việc nhằm phát triển toàn diện kỹ năng của mỗi người;
- + Tuyển chọn những sinh viên, học sinh có năng lực ngay từ sau khi đã hoàn tất chương trình cơ bản bằng các hợp đồng tài trợ học bổng - tuyển dụng để chủ động chuẩn bị nguồn nhân lực cho nhu cầu phát triển lâu dài;
- + Áp dụng chính sách trả lương, thưởng theo thỏa thuận đối với từng nhóm đối tượng tùy theo năng lực, trình độ, hiệu quả công tác chuyên môn cao và nhu cầu đầu tư phát triển của doanh nghiệp để khuyến khích người lao động gắn bó với nghề.

### **9.2.2 Chính sách lao động, lương, thưởng, trợ cấp...:**

- Công ty tổ chức làm việc theo thời gian quy định của pháp luật. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, hay yêu cầu đi công tác, Công ty đều có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà Nước.
- HUU NGHI FOOD luôn quan tâm tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ nhân viên.
- Lãnh đạo HUU NGHI FOOD phối hợp với BCH Công đoàn Công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, gặp thiên tai, tai nạn, rủi ro...
- HUU NGHI FOOD có chính sách khen thưởng xứng đáng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và doanh thu, đồng thời áp dụng những biện pháp, quy định xử phạt nghiêm minh đối với cán bộ nhân viên vi phạm Nội quy, Kỷ luật lao động. Hàng năm, Công ty tổng kết và tiến hành tuyên dương khen thưởng xứng đáng cho các tập thể và cá nhân có thành tích và đóng góp xuất sắc.

### 9.2.3 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty trong các năm gần đây như sau:

**Bảng biểu 7: Thông tin mức lương bình quân người lao động**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	6T/2015
1	Mức lương bình quân (Triệu đồng/tháng)	5,18	5,50	5,70

Mặc dù đã rất nỗ lực nâng cao thu nhập cho người lao động, nhưng Công ty hiện vẫn đang là doanh nghiệp có thu nhập bình quân thuộc nhóm thấp trong Ngành bánh kẹo.

### 10. Chính sách cổ tức

Theo quy định tại Điều lệ hiện hành, cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của HUU NGHI FOOD, Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác, trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Cũng theo Điều lệ hiện hành, Hội đồng quản trị có thể chi trả cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phần của HUU NGHI FOOD, tùy theo điều kiện hoạt động kinh doanh và kế hoạch tài chính của HUU NGHI FOOD tại từng thời điểm. Chính sách cổ tức sẽ được Hội đồng quản trị hoạch định và thực hiện phù hợp với tình hình thực tế, nhằm vừa đảm bảo quyền lợi tối đa cho các cổ đông vừa có thể giữ lại một phần lãi để lại phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển doanh nghiệp bền vững, cũng như để tăng cường tính thanh khoản, tính hấp dẫn của cổ phiếu HUU NGHI FOOD trên thị trường...

Tình hình chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông các năm gần đây của Công ty như sau:

**Bảng biểu 8: Thông tin tỷ lệ chia cổ tức 2012 - 2014**

Năm	Tỷ lệ chia cổ tức	Hình thức thanh toán
2012	15% vốn điều lệ	Trả cổ tức bằng cổ phiếu: 10% vốn điều lệ Trả cổ tức bằng tiền mặt: 5% vốn điều lệ
2013	15% vốn điều lệ	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2014	7,2% vốn điều lệ (sau phát hành)	Trả cổ tức bằng tiền mặt

*Nguồn: HUU NGHI FOOD*

Năm 2014, Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền mặt vào ngày 17/8/2015.

### 11. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.



Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

## 11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

### 11.1.1 Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình của Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành từ mua sắm là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

**Bảng biểu 9: Tình hình khấu hao Tài sản cố định**

Loại tài sản	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Tài sản khác	06

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty*

### 11.1.2 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Sóng Thần, giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn thuê từ một năm trở lên, cụ thể:

- + Tiền thuê quyền sử dụng đất thửa đất số 13 với diện tích 34.681,5 m<sup>2</sup> tại Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương của Công ty cổ phần Đại Nam để thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất chế biến thực phẩm – CTCP Thực phẩm Hữu Nghị - Chi nhánh miền Nam với tổng số tiền 43.910.615.744 đồng. Tiền thuê quyền sử dụng đất trả trước sẽ được phân bổ dần vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh kể từ thời điểm Nhà máy chính thức hoạt động (dự kiến cuối năm 2015) đến hết năm 2055.
- + Giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác: các chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 02 năm.

Số dư khoản chi phí trả trước dài hạn của Công ty như sau:

**Bảng biểu 10: Chi phí trả trước dài hạn**

Đơn vị tính: đồng

<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2014</b>
Công cụ dụng cụ	2.161.325.933	1.149.475.681
Chi phí sửa chữa tài sản	1.281.551.850	2.222.951.381
Tiền thuê đất (*)	-	43.910.615.744
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.254.546	-
<b>Cộng</b>	<b>3.449.132.329</b>	<b>47.283.042.806</b>

Tại 30/6/2015, số dư chi phí trả trước dài hạn của Công ty là 46.095.915.586 đồng.

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC Quý II của Công ty.*

**11.1.3 Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thường xuyên theo dõi và quản lý, tối ưu hóa dòng tiền nhằm chủ động trong công tác sản xuất kinh doanh và tối ưu trong công tác thanh toán các khoản nợ đến hạn và sắp đến hạn. Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị luôn chủ động thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đáp ứng đủ điều kiện thanh toán.

**11.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về các nghĩa vụ phải nộp. Số dư các khoản thuế phải nộp trong những năm gần đây như sau:

**Bảng biểu 11: Tình hình các khoản phải nộp theo luật định**

Đơn vị tính: đồng

<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>30/6/2015</b>
Thuế Giá trị gia tăng	2.240.893.978	3.605.025.062	3.614.532.512
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.269.971.019	350.843.571	1.177.846.465
Thuế Thu nhập cá nhân	183.199.520	116.145.227	59.943.852
Tiền thuê đất	-	946.699.424	-
Các loại thuế khác	154.665.266	383.400	383.400
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.848.729.783</b>	<b>5.019.096.684</b>	<b>4.852.706.229</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC Quý II của Công ty.*

**11.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Điều lệ Công ty, sau khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập các quỹ, các tỷ lệ này được căn cứ theo quy định tại Điều lệ Công ty và tỷ lệ thực tế tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của doanh nghiệp. Số dư các quỹ những năm gần đây của HuuNghiFood như sau:

**Bảng biểu 12: Tình hình số dư trích lập các quỹ**

Đơn vị tính: đồng

<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>30/6/2015</b>
Quỹ đầu tư phát triển	24.488.199.659	27.975.288.008	45.772.893.134 <sup>(*)</sup>
Quỹ dự phòng tài chính	6.537.193.743	7.699.556.526	(*)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	4.816.579.875	4.961.775.359	6.565.831.434
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.842.014.916</b>	<b>40.636.661.897</b>	<b>52.338.766.753</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC Quý II của Công ty.*

(\*) Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, từ năm 2015 trở đi số dư TK 415 - Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển.

**11.1.6 Tổng dư nợ vay**

Các khoản dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty có nguồn từ vay ngân hàng và vay các công ty cho thuê tài chính. Số dư nợ vay của Công ty qua các thời điểm như sau:

**Bảng biểu 13: Tình hình các khoản nợ vay**

Đơn vị tính: đồng

<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>30/6/2015</b>
Vay và nợ ngắn hạn	57.324.846.089	218.547.331.176	148.553.783.537
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.693.190.412	18.036.819.618	18.036.819.618
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.018.036.501</b>	<b>236.584.150.794</b>	<b>166.590.603.155</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC Quý II của Công ty.*

➤ **Thuyết minh các khoản vay và nợ ngắn hạn:**

Hiện tại, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty là các khoản vay và nợ ngắn hạn. Đây là các khoản vay Ngân hàng của Công ty nhằm phục vụ cho hoạt động

sản xuất kinh doanh (bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C và bảo lãnh thanh toán...). Thông tin các khoản Vay và nợ ngắn hạn của Công ty cụ thể như sau:

**Bảng biểu 14: Tình hình các khoản nợ ngắn hạn**

Đơn vị tính: đồng

Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2013	31/12/2014	30/6/2015
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>41.111.169.715</b>	<b>210.676.820.431</b>	<b>144.674.282.399</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội (1)	-	54.104.783.857	40.143.718.188
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Hoàn Kiếm (2)	2.734.823.444	57.503.333.270	25.080.370.137
Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH – Chi nhánh Hà Nội (3)	-	41.940.160.937	39.365.580.117
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chương Dương (4)	-	51.423.903.467	14.879.794.330
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Hà Nội (5)	-	5.704.638.900	25.204.819.627
Ngân hàng TNHH MTV HSBC – CN Hà Nội	38.376.346.271	-	-
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>16.213.676.374</b>	<b>7.870.510.745</b>	<b>3.879.501.138</b>
<b>Cộng</b>	<b>57.324.846.089</b>	<b>218.547.331.176</b>	<b>148.553.783.537</b>

*Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị*

**Các khoản vay ngắn hạn của Công ty theo Báo cáo tài chính kiểm toán tại 30/06/2015 như sau:**

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 828.14.065.560403.TD ngày 31/10/2014 và Phục lục số 01/PLHDTD ngày 29/12/2014 với mức hạn tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C và bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bánh kẹo trong năm 2014 – 2015. Thời hạn giải ngân đến ngày 31/10/2015. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tại thời điểm nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng cấp tín dụng số HKI-HĐTD/15116 ngày 14/07/2015 với tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn rút vốn không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất cho vay là 6,5%/năm và thay đổi theo từng lần nhận

nợ. Lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất tại thời điểm nhận nợ. Khoản vay được vay theo hình thức tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Bangkok Đại chúng trách nhiệm hữu hạn – Chi nhánh Hà Nội theo Thỏa thuận tín dụng số BBL-HN 04/2013 ngày 26/06/2013 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01 ngày 16/06/2014 với hạn mức tín dụng kết hợp là 2.000.000 USD. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản giải ngân sẽ có thời hạn tối đa 120 ngày. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được vay theo hình thức tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

(4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTĐHM/NHT128-HUUNGHI ngày 12/09/2014 và văn bản số 01/2014-HĐTĐ-SDDBS01/NHCT128-HUUNGHI tháng 12/2014 với tổng hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm và thay đổi theo từng lần nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tại thời điểm nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(5) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng kinh tế số 10.11.15.054 ngày 10/7/2015 với tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay thay đổi theo từng kỳ điều chỉnh lãi suất của VIB cộng biên độ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

➤ **Thuyết minh các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Công ty theo Báo cáo tài chính kiểm toán tại 31/12/2014 như sau:**

**Bảng biểu 15: Tình hình các khoản nợ dài hạn**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	31/12/2014
<b>I</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.345.587.308</b>
-	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (1)	1.345.587.308
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn (Nợ thuê tài chính) (2)</b>	<b>24.561.743.055</b>
-	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.405.280.085
-	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	23.156.462.970

<b>II</b>	<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>7.870.510.745</b>
<b>III</b>	<b>Vay và nợ dài hạn phải trả sau 12 tháng</b>	<b>18.036.819.618</b>

(1): Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm thể hiện số dư vay của các hợp đồng tín dụng:

+ Hợp đồng tín dụng trung hạn số HKI-HĐTD/10001 ngày 29/01/2010, hạn mức tín dụng là 3.440.000.000 đồng. Khoản vay này nhằm mục đích thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất bánh Cake tại nhà máy Đồng Văn trên diện tích 1.800m<sup>2</sup>. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn gốc vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm cộng biên độ 3,6%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/01 lần tính từ ngày nhận nợ vay đầu tiên. Lãi suất vay quá hạn bằng 130% lãi suất vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và một phần vốn tự có của Công ty. Số dư tại 31/12/2014 là 160.040.340 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng trung hạn số HKI – HĐTD/12021 ngày 15/03/2012, số tiền vay theo hợp đồng là 2.450.000.000 đồng. Khoản vay này nhằm mục đích thanh toán một phần giá trị xây dựng kho 900m<sup>2</sup> tại chi nhánh Hà Nam. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay ban đầu là 17,6% và được điều chỉnh 03 tháng/01 lần tính từ ngày nhận được nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay quá hạn bằng 130% lãi suất vay trong hạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư tại 31/12/2014 là 1.185.546.968 đồng.

(2): Số dư nợ dài hạn phản ánh các khoản nợ dài hạn từ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tài trợ cho các hợp đồng thuê tài chính dài hạn với lãi suất được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng từng thời điểm.

Lịch trả nợ vay dài hạn tại 31/12/2014 như sau:

Đơn vị tính: đồng

<b>STT</b>	<b>Lịch trả nợ</b>	<b>31/12/2014</b>
1	Trong vòng một năm	<b>7.870.510.745</b>
2	Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	18.036.819.618
3	Sau năm năm	-
	<b>Cộng</b>	<b>25.907.330.363</b>

4	Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)	7.870.510.745
	<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>18.036.819.618</b>

- Tại thời điểm 30/6/2015, các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Công ty theo Báo cáo Quý II có số dư 18.036.819.618 đồng.

### 11.1.7 Tình hình công nợ hiện nay

Tình hình các khoản công nợ phải thu của Công ty qua các năm gần đây như sau:

**Bảng biểu 16: Tình hình công nợ phải thu**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	31/12/2013	31/12/2014	30/6/2015
Phải thu khách hàng	31.741.036.468	72.219.794.928	43.101.996.106
Trả trước cho người bán	2.998.692.520	3.329.316.344	19.975.717.840
Các khoản phải thu khác (*)	2.639.591.380	2.763.975.154	2.030.501.241
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(859.633.741)	(1.096.165.371)	(1.096.165.371)
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.519.686.627</b>	<b>84.216.921.055</b>	<b>64.012.049.816</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC Quý II của Công ty.

(\*) Chi tiết các khoản phải thu khác của Công ty qua các năm gần đây như sau:

**Bảng biểu 17: Chi tiết các khoản phải thu khác**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	31/12/2013	31/12/2014
Thuế GTGT tạm tính tài sản thuê tài chính	2.169.602.483	2.160.413.703
Các khoản phải thu khác	469.988.897	603.561.451
<b>Cộng</b>	<b>2.639.591.380</b>	<b>2.763.975.154</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014 của Công ty.

### 11.1.8 Hàng tồn kho

Chi tiết Hàng tồn kho của Công ty qua các năm gần đây như sau:

**Bảng biểu 18: Tình hình Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	31/12/2013	31/12/2014	30/6/2015
Hàng mua đang đi đường	1.552.292.707	791.802.028	-
Nguyên liệu, vật liệu	65.284.987.830	73.716.352.976	47.769.306.140
Công cụ, dụng cụ	1.590.705.411	2.503.681.081	1.838.031.167
Thành phẩm	54.085.732.077	20.755.486.917	31.983.200.534
Hàng hóa	16.222.799.099	2.388.757.956	1.572.439.109
<b>Cộng</b>	<b>138.736.517.124</b>	<b>100.156.080.958</b>	<b>83.162.976.950</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.739.244.404)	(492.342.000)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.997.272.720</b>	<b>99.663.738.958</b>	<b>83.162.976.950</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và BCTC Quý II của Công ty.

**11.1.9 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu****Bảng biểu 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn		1,16	1,36
	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản lưu động – Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,71	1,10
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,67	0,60
	Hệ số Nợ/Vốn Chủ sở hữu	Lần	2,06	1,51
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	6,97	7,77
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	2,46	2,04



TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,18%	2,13%
	Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,17%	11,82%
	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,36%	4,34%
	Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	%	2,88%	2,36%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 của Công ty.

## 12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty).

### 12.1 Tình hình tài sản cố định hữu hình

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, đến thời điểm 31/12/2014, giá trị các tài sản cụ thể của Công ty như sau:

**Bảng biểu 20: Tình hình tài sản cố định tại 31/12/2014**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại đến hết ngày 31/12/2014	% GTCL/NG
<b>I. TSCĐ hữu hình</b>	<b>224.527.361.268</b>	<b>72.050.342.831</b>	<b>32,09%</b>
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	53.469.401.756	26.034.189.224	48,69%
2. Máy móc, thiết bị	147.607.008.882	35.923.420.296	24,34%
3. Phương tiện vận tải	22.709.448.781	9.888.841.326	43,55%
4. Thiết bị văn phòng	582.424.099	157.494.303	27,04%
5. TSCĐ hữu hình khác	159.077.750	46.397.682	29,17%
<b>II. Chi phí XDCB dở dang</b>	<b>308.550.910</b>	<b>308.550.910</b>	<b>100%</b>
<b>Cộng</b>	<b>224.835.912.178</b>	<b>72.358.893.741</b>	<b>32,18%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014 của Công ty.

Tổng số nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 61.421.238.494 đồng (tại ngày 31/12/2013 là 26.416.636.868 đồng). Tổng số nguyên giá tài sản cố định đem đi cầm cố, thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2014 là 7.467.640.163 đồng, tương ứng với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 5.376.796.942 đồng.

Chi tiết Khoản Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty đến 31/12/2014 như sau:

**Bảng biểu 21: Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang**

Đơn vị tính: đồng

Chi tiết công trình	31/12/2014
Dự án nhà máy chế biến thực phẩm tại Bình Dương	294.085.455
Phân xưởng tại Chi nhánh Đồng Văn	14.465.455
<b>Cộng tổng</b>	<b>308.550.910</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014 của Công ty.

Theo Báo cáo tài chính Quý II/2015 do Công ty lập, đến thời điểm 30/6/2015, giá trị các tài sản cụ thể của Công ty như sau:

**Bảng biểu 22. Tình hình tài sản cố định tại 30/6/2015**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại tại 30/6/2015	% GTCL/NG
<b>I. TSCĐ hữu hình</b>	<b>224.129.354.570</b>	<b>59.613.626.544</b>	<b>26,60%</b>
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	53.469.401.756	22.709.491.405	42,47%
2. Máy móc, thiết bị	148.216.328.283	27.406.995.043	18,49%
3. Phương tiện vận tải	21.702.122.682	9.348.820.783	43,08%
4. Thiết bị văn phòng	582.424.099	128.434.589	22,05%
5. TSCĐ hữu hình khác	159.077.750	19.884.724	12,50%
<b>II. Chi phí XDCB dở dang</b>	<b>9.656.067.229</b>	<b>9.656.067.229</b>	<b>100%</b>
<b>Cộng</b>	<b>233.785.421.799</b>	<b>69.269.693.773</b>	<b>29,63%</b>

Nguồn: BCTC Quý II của Công ty.

**12.2 Tình hình tài sản cố định thuê tài chính**

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, đến thời điểm 31/12/2014, tình hình các tài sản cố định thuê tài chính của Công ty như sau:

**Bảng biểu 23: Tình hình tài sản cố định thuê tài chính tại 31/12/2014**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại đến hết ngày 31/12/2014	% GTCL/NG
1. Máy móc, thiết bị	53.689.535.887	28.460.307.572	53,01%

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại đến hết ngày 31/12/2014	% GTCL/NG
2. Phương tiện vận tải	2.200.436.363	1.745.470.344	79,32%
<b>Cộng</b>	<b>55.889.972.250</b>	<b>30.205.777.916</b>	<b>54,05%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2014 của Công ty.*

Theo Báo cáo tài chính Quý II/2015 do Công ty lập, đến thời điểm 30/6/2015, tình hình các tài sản cố định thuê tài chính của Công ty như sau:

**Bảng biểu 24. Tình hình tài sản cố định thuê tài chính tại 30/6/2015**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại đến hết ngày 31/12/2014	% GTCL/NG
1. Máy móc, thiết bị	53.377.256.304	22.083.228.746	41,37%
2. Phương tiện vận tải	2.200.436.363	1.526.481.256	69,37%
<b>Cộng</b>	<b>55.577.692.667</b>	<b>23.609.710.002</b>	<b>42,48%</b>

*Nguồn: BCTC Quý II của Công ty.*

**12.3 Thông tin các diện tích đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng**

Hiện nay, Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị đang quản lý và sử dụng các diện tích đất đai cụ thể như sau:

- Cơ sở nhà, đất tại số 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Diện tích: 16.804m<sup>2</sup>;

Hình thức: thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm, thời hạn thuê đất đến 01/01/2016

Các văn bản pháp lý có liên quan: Hợp đồng thuê số 735/HĐTD ngày 31/12/2014 giữa Sở tài nguyên và môi trường TP. Hà Nội và Công ty CP Thực phẩm Hữu Nghị;

Hiện trạng sử dụng: Công ty đang làm nhà xưởng sản xuất và trụ sở Công ty tại địa điểm nêu trên. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 20/4/2015 của Công ty đã thông qua chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất, lập dự án đầu tư tại Khu đất 122 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội thành văn phòng làm việc và cho thuê, công trình nhà ở để kinh doanh để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hiện nay, Công ty đang trong quá trình lập dự án đầu tư.

- Cơ sở nhà, đất tại KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Diện tích: 34.681,5m<sup>2</sup>;

Hình thức: thuê đất của CTCP Đại Nam, trả tiền 1 lần, thời hạn thuê đất đến 31/12/2055.

Các văn bản pháp lý có liên quan: GCN QSDĐ số BV 342303;

Hiện trạng sử dụng: Công ty đang trong quá trình đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất chế biến thực phẩm tại địa điểm nêu trên.

- Cơ sở nhà, đất tại KCN Đồng Văn, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Diện tích: 31.956 m<sup>2</sup>;

Hình thức: thuê đất, trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đất đến 30/10/2057;

Các văn bản pháp lý có liên quan: Hợp đồng thuê nhà kho và sân bãi số 01/2008/HĐTĐ ngày 01/01/2008 giữa Công ty Thực phẩm Miền Bắc và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị;

Hiện trạng sử dụng: Công ty đang làm nhà xưởng sản xuất và kho chứa hàng tại địa điểm nêu trên.

### 13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.

**Bảng biểu 25: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Năm 2015		Năm 2016	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2015
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	200	200	-	200	-
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.184	1.231	3,97%	1.240	0,73%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	25,24	25,74	1,98%	26	1,01%
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	2,13%	1,98%	-	2,10%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	12,62%	12,87%	-	0,13	-
Cổ tức	7,2%	10%	-	10%	-

*Nguồn: Nghị Quyết ĐHCĐ Thường niên năm 2015 và CTCP Thực phẩm Hữu Nghị*

#### **Căn cứ để đạt được doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nói trên:**

- + Công ty là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh bánh kẹo tại Việt Nam, có các sản phẩm chất lượng, cạnh tranh được với sản phẩm cùng loại trên thị trường và được nhiều khách hàng ưa chuộng như: bánh mì Staff, bánh trứng nướng Tipso, bánh layer cake Salsa, bánh Trung thu và Mứt Tết...
- + Trong năm 2014, Công ty đã phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng, bổ sung được nguồn vốn đầu tư dài hạn thay bằng việc đi vay nguồn vốn này từ ngân hàng, điều này có vai trò quan trọng trong việc ổn định nguồn tài chính, giảm chi phí lãi vay, áp lực trả nợ, giúp Công ty tăng cường hoạt động và hiệu quả kinh doanh.

- + Dự án Nhà máy sản xuất chế biến thực phẩm – Chi nhánh miền Nam của Công ty với công nghệ sản xuất hiện đại, dự kiến đi vào hoạt động Quý IV/2015 sẽ nâng cao năng lực sản xuất của Công ty, góp phần làm gia tăng doanh thu và lợi nhuận.
- + Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức được Ban lãnh đạo Công ty xây dựng dựa trên cơ sở ước tính thận trọng và có dự báo các điều kiện thị trường không thuận lợi. Ban lãnh đạo Công ty sẽ nỗ lực chủ động trong chiến lược kinh doanh, tìm kiếm những thị trường tốt, đem lại hiệu quả kinh tế cao, kiểm tra các định mức kinh tế kỹ thuật sao cho chi phí hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả; Đồng thời rà soát lại nhân sự, cơ cấu lại bộ máy tổ chức tránh công kênh, lãng phí.
- + Kết quả thực hiện của CTCP Thực phẩm Hữu Nghị trong 6 tháng đầu năm:  
Trong 6 tháng đầu năm, CTCP Thực phẩm Hữu Nghị có doanh thu thuần đạt 567.155.484.109 đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 14.139.744.084 đồng bằng 46,07% kế hoạch doanh thu thuần và 54,93% kế hoạch lợi nhuận năm 2015.

**14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đăng ký giao dịch:** không có

**15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.**

Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển bền vững dựa trên việc tuân thủ luật pháp và các quy tắc quản trị để đảm bảo an toàn phát triển trong các tình huống. Ngoài ra, Công ty còn chủ động đón nhận những cơ hội đầu tư tiềm năng, nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh, kiểm soát chi phí, chủ động về nguồn vốn, chủ động đối phó và giảm thiểu các rủi ro ảnh hưởng từ hệ thống chính sách vĩ mô, sự biến động thị trường.

Trong sản xuất kinh doanh, Công ty gắn liền với định hướng: hoạt động đầu tư, phát triển và ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại kết hợp với công nghệ quản lý tiên tiến và các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, thực hành sản xuất cao nhất để tạo ra những sản phẩm bánh kẹo chất lượng, mang đến cho khách hàng sự hài lòng và nỗ lực phấn đấu để HUU NGHI FOOD trở thành một thương hiệu mạnh ở trong và ngoài nước.

Công tác tiếp thị và phát triển thị trường của Công ty phải tạo thị phần vững chắc cho các sản phẩm của HUU NGHI FOOD, chú trọng tìm kiếm và phát triển các thị trường ngách, thị trường mới cho các sản phẩm.

Trong chiến lược của doanh nghiệp, Công ty luôn chú trọng đến yếu tố con người, coi con người là tài sản quý giá nhất là nhân tố quyết định cho sự phát triển. Công ty thường xuyên áp dụng các chương trình đào tạo và huấn luyện kỹ năng để nâng cao, phát triển chất lượng nguồn nhân lực.

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty: Không có****II. QUẢN TRỊ CÔNG TY****1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị.****1.1 Cơ cấu và thành phần Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm (2012 – 2017). Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị có: 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị

04 Thành viên Hội đồng quản trị

**1.2 Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị cụ thể như sau:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trịnh Trung Hiếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị <i>kiêm Tổng Giám đốc</i> (Thành viên HĐQT điều hành)
2	Nguyễn Trọng Lạc	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT độc lập)
3	Lê Thị Lan Anh	Thành viên Hội đồng quản trị <i>kiêm Phó Tổng Giám đốc</i> (Thành viên HĐQT điều hành)
4	Lê Văn Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị, <i>kiêm Phó Tổng Giám đốc</i> (Thành viên HĐQT điều hành)
5	Nguyễn Chí Nhân	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT không điều hành)

**1.2.1 Ông Trịnh Trung Hiếu – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên: **TRỊNH TRUNG HIẾU**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 28/02/1974

Nơi sinh: Hà Bình - Hà Trung - Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê Quán: Hà Bình - Hà Trung - Thanh Hóa  
 Địa chỉ thường trú: Số 3 Ngõ 126 Hoàng Hoa Thám -Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội  
 CMND số: 012214652 Ngày cấp: 31/07/2008 Nơi cấp: Hà Nội  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác:

<b>Từ tháng/năm đến tháng/năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
<b>Công tác tại cơ quan</b>	
08/1997 – 02/2000	Kỹ sư điện – Nhà máy bánh quy cao cấp Hữu Nghị - Công ty thực phẩm Miền Bắc.
03/2000 - 12/2006	Phó giám đốc - Nhà máy Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị - Công ty thực phẩm Miền Bắc.
01/2007 – 04/2008	Phó Tổng giám đốc - CTCP thực phẩm Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
05/2008 – 05/2009	Tổng giám đốc - CTCP Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
06/2009 – đến nay	Tổng giám đốc – Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị
12/2014 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket
01/2007 - 03/2015	Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP thực phẩm Hữu Nghị
04/2015 – đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị- CTCP thực phẩm Hữu Nghị
<b>Công tác Đảng</b>	
2007 – 2010	Phó bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị
2011 đến nay	Ủy viên BCH Đảng bộ Tổng công ty thuốc lá Việt Nam, Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan

*Sở hữu cá nhân: 2.755.525 cổ phần tương đương 13,78% vốn điều lệ;*

*Sở hữu đại diện Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam: 6.347.630 cổ phần tương đương 31,74% vốn điều lệ;*

*Sở hữu của những người có liên quan: Không.*

Các khoản nợ với Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

### 1.2.2 Ông Nguyễn Trọng Lạc – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG LẠC

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/06/1954

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê Quán: Nam Định

Địa chỉ thường trú: 393/42 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

CMND số: 022154462 Cấp ngày 05/02/2004 Nơi cấp: CA TP Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1974 đến 1983	Là Quân nhân F9 – QĐ4
1983 đến 2005	Chuyên viên Công ty thực phẩm tươi sống khu vực 2 – Tổng công ty thực phẩm.
2006 đến 2008	Phó Giám đốc chi nhánh TP Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thực phẩm Miền Bắc
2006 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không



Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan

*Sở hữu cá nhân: 485.385 cổ phần tương đương 2,43% vốn điều lệ;*

*Sở hữu đại diện: Không;*

*Sở hữu của những người có liên quan: Không*

Các khoản nợ với Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

### **1.2.3 Bà Lê Thị Lan Anh - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc.**

Họ và tên: **LÊ THỊ LAN ANH**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 19/01/1978

Nơi sinh: Hải Tây – Hải Hậu – Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê Quán: Hải Tây – Hải Hậu – Nam Định

Địa chỉ thường trú: Số 9, Ngõ 27 – Thổ Quan – Khâm Thiên – Đống Đa – Hà Nội

CMND số: 162120733 Ngày cấp: 16/03/1995 Nơi cấp: Nam Định

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

<b>Từ tháng/năm đến tháng/năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
1998 - 1999	Nhân viên kế toán – Công ty Hoàng Nam
1999-06/2002	Chuyên viên kế toán – Công ty chế biến lâm sản Trung Văn
07/2002-02/2007	Chuyên viên kế toán – Công ty thực phẩm Miền Bắc
03/2007-05/2009	Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư – Công ty Cổ phần bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
06/2009-02/2014	Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư – Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
03/2014 đến nay	Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
06/2014 đến nay	Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

04/2015 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
-----------------	--

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc  
 Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan

*Sở hữu cá nhân: 1.240.561 cổ phần tương đương 6,20% vốn điều lệ;*

*Sở hữu đại diện Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam: 2.000.000 cổ phần tương đương 10,00% vốn điều lệ;*

*Sở hữu của những người có liên quan: Không.*

Các khoản nợ với Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

**1.2.4 Ông Lê Văn Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **LÊ VĂN HOÀNG**  
 Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 01/12/1974  
 Nơi sinh: Thôn Lã Côi – Yên Viên – Gia Lâm – Hà Nội  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê Quán: Thôn Lã Côi – Yên Viên – Gia Lâm – Hà Nội  
 Địa chỉ thường trú: Thôn Lã Côi – Yên Viên – Gia Lâm – Hà Nội  
 CMND số: 011813679 Ngày cấp: 05/07/2002 Nơi cấp: Hà Nội  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm  
 Quá trình công tác:

<b>Từ tháng/năm đến tháng/năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
<b>Công tác tại cơ quan</b>	
12/1997-07/2005	Kỹ sư công nghệ thực phẩm – Phụ trách công nghệ Phân xưởng – Công ty bánh kẹo Hải Châu
08/2005-09/2005	Kỹ sư công nghệ thực phẩm Phòng Kỹ thuật – Nhà máy bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
10/2005-04/2008	Quản đốc xưởng – Công ty cổ phần bánh kẹo cao cấp Hữu

	Nghị
05/2008-05/2009	Giám đốc Nhà máy Hà Nội – CTCP Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
06/2009-10/2013	Giám đốc Nhà máy Hà Nội – CTCP Thực phẩm Hữu Nghị
11/2013 đến nay	Phó Tổng giám đốc – CTCP Thực phẩm Hữu Nghị
04/2015 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
<b>Công tác Đoàn thể</b>	
Giai đoạn 2012 -2017	Ủy viên BCH Công đoàn Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
Giai đoạn 2012 –T06/2014	Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
<b>Công tác Đảng:</b>	
07/2011-03/2014	Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị, Bí thư chi bộ sản xuất
04/2014 đến nay	Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị; Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan

*Sở hữu cá nhân: 258.665 cổ phần tương đương 1,29% vốn điều lệ;*

*Sở hữu đại diện: Không;*

*Sở hữu của những người có liên quan: Không.*

Các khoản nợ với Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

### **1.2.5 Ông Nguyễn Chí Nhân – Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: **NGUYỄN CHÍ NHÂN**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/04/1970

Nơi sinh: Bắc Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê Quán: Tiên Sơn, Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: Số 72 Ngõ 281 Trần Khát Chân, Hà Nội

CMND số: 011353388 Ngày cấp: 17/09/2007 Nơi cấp: Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

Quá trình công tác:

<b>Từ tháng/năm đến tháng/năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
7/1991 – 5/1996	Thợ cơ khí – Nhà máy Sợi Hà Nội
6/1996 – 8/1998	Nhân viên – Hàng không Philippine
8/1998 – 3/1999	Nhân viên – Công ty TNHH Elin
3/1999 – 5/1999	Nhân viên – Công ty TNHH Biển Đông
5/1999 – 3/2003	Nhân viên – Văn phòng Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
3/2003 – 5/2009	Phó văn phòng Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
5/2009 – nay	Trưởng phòng Đối ngoại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
04/2015 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan

*Sở hữu cá nhân: Không;*

*Sở hữu đại diện Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam: 2.000.000 cổ phần tương đương 10% vốn điều lệ;*

*Sở hữu của những người có liên quan: Không.*

Các khoản nợ với Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

## **2. Ban kiểm soát.**

### **2.1 Cơ cấu và thành phần Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm (2012 – 2017); thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong cơ cấu của Ban Kiểm soát có: 01 Trưởng Ban kiểm soát

02 Thành viên Ban kiểm soát

**2.2 Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát cụ thể như sau:**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Kiều Xuân Quỳnh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Đức Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trịnh Trung Dũng	Thành viên Ban kiểm soát

**2.2.1 Bà Kiều Xuân Quỳnh – Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên: **KIỀU XUÂN QUỲNH**  
 Giới tính: Nữ  
 Ngày tháng năm sinh: 27/07/1978  
 Nơi sinh: Hà Nội  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê Quán: Nhật Tựu – Kim Bảng – Hà Nam  
 Địa chỉ thường trú: Số 22 An Xá- Phúc Xá- Ba Đình – Hà Nội  
 CMND số: 011903523 Ngày cấp: 10/05/2012 Nơi cấp: Hà Nội  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
 Quá trình công tác:

<b>Từ tháng/năm đến tháng/năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
<b>Công tác tại cơ quan</b>	
09/2000 – 05/2008	Nhân viên kế toán – Công ty Thực phẩm Miền Bắc
06/2008 – 05/2009	Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế toán – CTCP Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
06/2009 – 03/2015	Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế toán – CTCP Thực phẩm Hữu Nghị
04/2015 đến nay	Trưởng BKS - Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
<b>Công tác Đoàn thể</b>	
06/2012 – nay	Ủy viên BCH Công đoàn CTCP Thực phẩm Hữu Nghị

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan

*Sở hữu cá nhân: 20.898 cổ phần tương đương 0,10% vốn điều lệ;*

*Sở hữu đại diện: Không;*

*Sở hữu của những người có liên quan: Không.*

Các khoản nợ với Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

### **2.2.2 Họ và tên: Trần Đức Dũng, thành viên BKS**

Họ và tên: **TRẦN ĐỨC DŨNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/09/1984

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê Quán: Phù Tiên, Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: Số 14 ngách 71/14 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân, Hà Nội

CMND số: 012385563 cấp ngày 05/10/2000 Nơi cấp: Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngân hàng tài chính

Quá trình công tác:

<b>Từ tháng/năm đến tháng/năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
03/2010 -03/2012	Trưởng Ban kiểm soát – CTCP Thực phẩm Hữu Nghị
04/2012 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Thực phẩm Hữu Nghị
2006 đến nay	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Kiểm soát viên tại Công ty Thuốc lá Bắc Sơn
- Kiểm soát viên tại Viện KTKT Thuốc lá

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan

*Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần tương đương 0,05% vốn điều lệ;*

*Sở hữu đại diện: Không;*

*Sở hữu của những người có liên quan: Không.*

Các khoản nợ với Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

### **2.2.3 Ông Trịnh Trung Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: **TRỊNH TRUNG DŨNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 31/05/1992

Nơi sinh: Ba Đình - Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê Quán: Hà Trung – Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 408 - B4 - Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội

CMND số: 012861007 Ngày cấp: 19/03/2006 Nơi cấp: Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân cao đẳng kế toán tổng hợp

Quá trình công tác:

<b>Từ tháng/năm đến tháng/năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
09/2013 - 03/2014	Nhân viên phòng QL Bakery - CTCP Thực phẩm Hữu Nghị
04/2014 đến nay	Nhân viên phòng Marketing – CTCP Thực phẩm Hữu Nghị
Từ 05/2014 đến nay	Thành viên BKS - CTCP Thực phẩm Hữu Nghị

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát, Nhân viên phòng Marketing

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan

*Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần tương đương 0,10% vốn điều lệ;*

*Sở hữu đại diện: Không;*

*Sở hữu của những người có liên quan: Không.*

Các khoản nợ với Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

### **3. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.**

#### **3.1 Cơ cấu và thành phần Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có bốn (04) thành viên.

Trong cơ cấu của Ban Tổng Giám đốc có: 01 Tổng Giám đốc

03 Phó Tổng Giám đốc

Phòng Kế toán của Công ty có 01 Kế toán trưởng

#### **3.2 Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc cụ thể như sau:**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Trịnh Trung Hiếu	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Thị Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc
6	Lê Thị Ánh	Kế Toán trưởng

##### **3.2.1 Ông Trịnh Trung Hiếu – Tổng Giám đốc**

*Sơ yếu lý lịch đã trình bày tại Mục 1.2.1 (Phần Hội đồng quản trị) nêu trên.*

##### **3.2.2 Ông Nguyễn Nam Hải – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **NGUYỄN NAM HẢI**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/05/1973

Nơi sinh: Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê Quán: Trục Đông – Nam Hà

Địa chỉ thường trú: Số 3 Ngõ 286 Giáp Bát – Hoàng Mai – Hà Nội

CMND số: 011722516 Ngày cấp: 22/04/2002 Nơi cấp: Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm



Quá trình công tác:

Từ tháng/năm đến tháng/năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
03/1998 – 09/1998	Kỹ sư – Xí nghiệp chế biến thủy đặc sản xuất khẩu Hà Nội
03/1999 – 08/2000	Kỹ sư – Nhà máy bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
08/2000 – 12/2001	Phó ca sản xuất – Nhà máy bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
01/2002 – 09/2003	Quản đốc – Nhà máy bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
09/2003 – 03/2005	Phó TP Kỹ thuật – Nhà máy bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
04/2005 – 10/2007	TP kỹ thuật – Nhà máy bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
11/2007 – 04/2008	Phó Tổng giám đốc – CTCP bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
05/2008 – 05/2009	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh CTCP bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị tại Bình Dương
06/2009 – 11/2012	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh CTCP thực phẩm Hữu Nghị tại Bình Dương
11/2012 đến nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Thực phẩm Hữu Nghị

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan

*Sở hữu cá nhân: 280.372 cổ phần tương đương 1,40% vốn điều lệ;*

*Sở hữu đại diện: Không;*

*Sở hữu của những người có liên quan: Không.*

Các khoản nợ với Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

### 3.2.3 Ông Lê Văn Hoàng – Phó Tổng Giám đốc

*Sơ yếu lý lịch đã trình bày tại Mục 1.2.4 (Phần Hội đồng quản trị) nêu trên.*

### 3.2.4 Bà Lê Thị Lan Anh – Phó Tổng Giám đốc

*Sơ yếu lý lịch đã trình bày tại Mục 1.2.3 (Phần Hội đồng quản trị) nêu trên.*

### 3.2.5 Bà Lê Thị Ánh - Kế toán trưởng

Họ và tên: **LÊ THỊ ÁNH**

Giới tính: **Nữ**

Ngày tháng năm sinh: 24/03/1980  
 Nơi sinh: Vạn Ninh – Quảng Ninh – Quảng Bình  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê Quán: Vạn Ninh – Quảng Ninh – Quảng Bình  
 Địa chỉ thường trú: Số 6, Ngõ 117/55 Nguyễn Sơn - Gia Thụy - Long Biên - Hà Nội  
 CMND số: 013362626 Ngày cấp: 08/12/2010 Nơi cấp: Hà Nội  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Kế toán  
 Quá trình công tác:

<b>Từ tháng/năm đến tháng/năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
09/2002-12/2006	Chuyên viên kế toán – Công ty Thực phẩm Miền Bắc
01/2007-03/2009	Phó phòng Tài chính – Kế toán – Công ty Cổ phần bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
04/2009-05/2009	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán – Công ty Cổ phần bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị
06/2009-02/2014	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán – Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
03/2014 đến nay	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan

*Sở hữu cá nhân: 97.618 cổ phần tương đương 0,49% vốn điều lệ;*

*Sở hữu đại diện: Không;*

*Sở hữu của những người có liên quan: Không.*

Các khoản nợ với Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

#### **4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.**

Công ty luôn chú trọng việc nâng cao công tác quản trị Công ty, tuân thủ đầy đủ quy định về công bố thông tin và quản trị công ty đại chúng.

Công ty sẽ tiến hành xây dựng Điều lệ công ty trên cơ sở tham chiếu Điều lệ Mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng và tuân thủ Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp Điều lệ hiện tại chưa tuân thủ Luật Doanh nghiệp hiện hành, Công ty sẽ xây dựng Điều lệ công ty trên cơ sở tham chiếu Điều lệ Mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng và tuân thủ Luật Doanh nghiệp. Trong thời gian chưa sửa Điều lệ, cam kết thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

**III. PHỤ LỤC KÈM THEO**

1. Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần;
2. Báo cáo tài chính kiểm toán 2014 và Quý II/2015 của Công ty.

*Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2015*

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC  
CTCP THỰC PHẨM HỮU NGHI**

*(Đã ký)*

**Trịnh Trung Hiếu**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

*(Đã ký)*

**Kiều Xuân Quỳnh**

**Lê Thị Ánh**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

*(Đã ký)*

**Nhữ Đình Hòa**